VIỆT NAM 1:50,000

SOP COP

SỐ HIỆU 5750 IV
LOẠI L7014

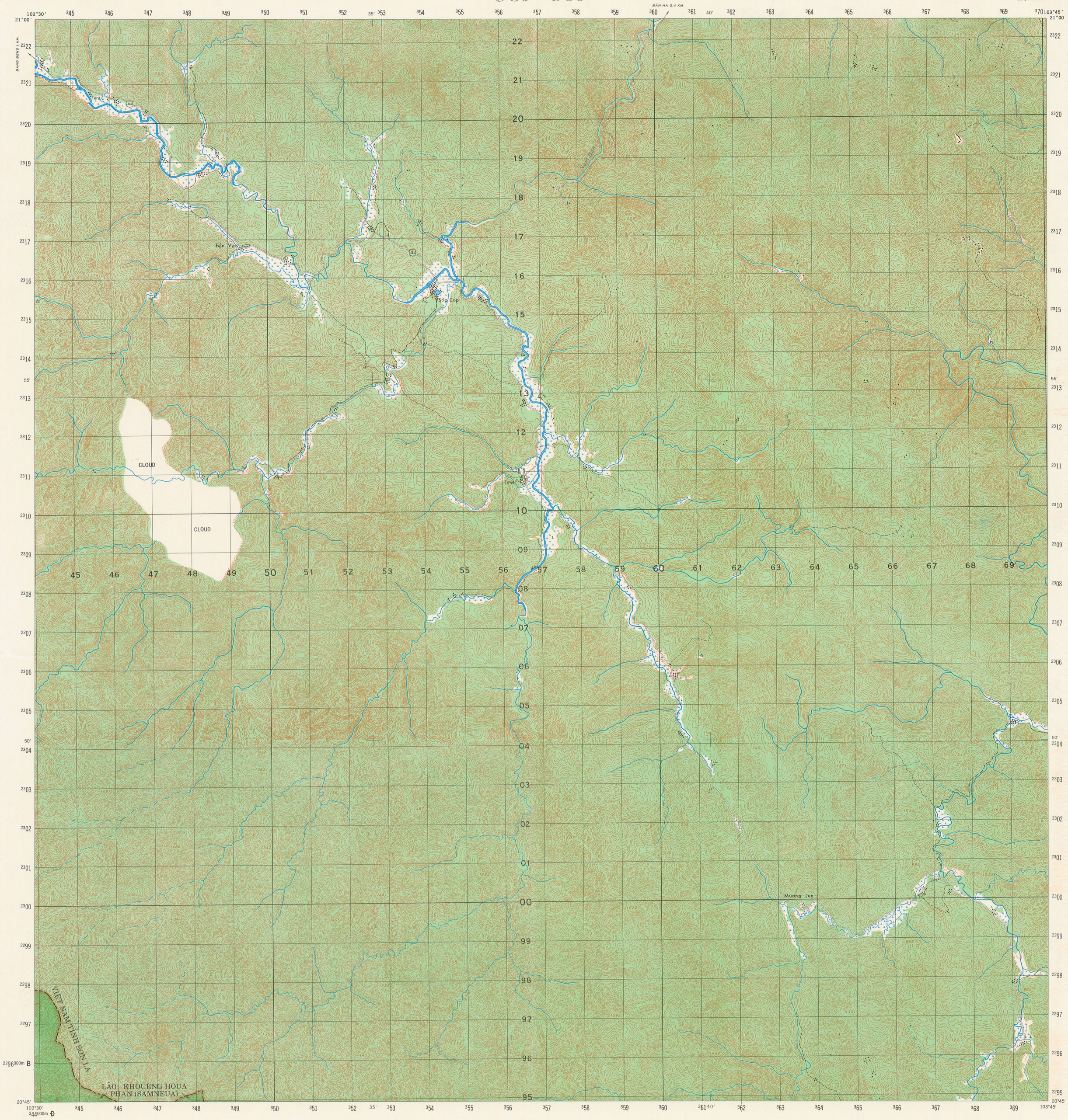

CHÚ-TỪ

Trên bản đồ này một lối XE ĐI đã được coi như rộng ít nhất là 2,4 mét.

Rừng rậm hay rừng già chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% lập thành vòm cây kín và phía dưới rừng không thể qua lại được. Rừng thưa chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% lập thành vòm cây kín và phía dưới rừng có thể qua lại được. Thảo mộc phân loại theo không ảnh

ĐƯỜNG-SÁ

- *Đường tráng nhựa, có hai hay trên hai lối xe đi* — 3 LỐI XE ĐI
- *Đường cán đá hay tráng mỏng, có hai hay trên hai lối xe đi* — 3 LỐI XE ĐI
- *Đường tráng nhựa, có một lối xe đi*
- *Đường cán đá hay tráng mỏng, có một lối xe đi*
- *Đường đất*
- *Đường dùng khai-khẩn*
- *Đường mòn, đường bộ-hành*

ĐƯỜNG XE LỬA

- *Loại đường thường, một đường, rộng 1 mét; Ga, trạm*
- *Loại đường thường, hai đường*
- *Loại đường hẹp, một đường*
- *Điểm trắc-địa* — △
- *Cao-độ tính ra mét: Đã được kiểm lại. Chưa được kiểm lại* — *729 *729
- *Kinh hay mương đào: Rộng dưới 18 mét; Rộng trên 18 mét*

- *Nhà thờ; Thập-tự; Trường học*
- *Đền, miếu; Chùa; Am*
- *Nghĩa-địa*
- *Sân bay; Dùng quanh năm; Từng mùa*
- *Ranh giới Nước*
- *Ranh giới Tỉnh*
- *Ranh giới Huyện*
- *Đường đắp*
- *Bờ đắp; Tường*
- *Cát*
- *Tên vùng hay địa-điểm* — HÃO LÒNG
- *Hồ hay ao: Có nước quanh năm; Từng mùa*
- *Đập xây; Đập đất*
- *Ruộng lúa; Đồng lầy*
- *Đất có thể lụt*

- *Thôn-thị*
- *Làng*
- *Rừng hay bụi rậm*
- *Đồn-điền*
- *Dừa nước; Cây bần*
- *Cầu*
- *Cầu nhỏ*
- *Phà*
- *Chỗ lội qua*
- *Ghềnh chảy mạnh*
- *Thác lớn*
- *Thác nhỏ* — Thác

Tỷ-lệ 1:50,000

1000 500 0 1000 2000 3000 4000 Mét

KHOẢNG CÁCH ĐỀU ĐƯỜNG BÌNH ĐỘ CƠ BẢN LÀ 20 MÉT

KHỞI ĐẦU ĐỤC ..... *E-VE-RÊT*
Ô VUÔNG ..... *UTM TỪNG 1000 MÉT ; KHU HÌNH THOI 48 (NHỮNG ĐƯỜNG CÓ GHI SỐ ĐEN) :*

HỆ THỐNG CHIẾU ..... *U.T.M.*
HỆ THỐNG ĐỘ CAO ..... *MẶT BIỂN TRUNG BÌNH TẠI HÀ TIÊN*
HỆ TỌA ĐỘ ..... *HỆ THỐNG TRẮC CẦU ẤN ĐỘ 1960*

MỆNH-DANH BẢN-ĐỒ TRONG KHU KẺ Ô

48Q

CHỈ-ĐỊNH Ô VUÔNG TỪNG 100.000 M.

UJ
UH
2100

Những con số nhỏ chỉ dùng để ghi những tọa-độ toàn bộ. Chỉ dùng những con SỐ LỚN của số hiệu ô kẻ vuông.
Thí dụ: 2296000

PHƯƠNG-PHÁP TÌM TỌA-ĐỘ TỪNG TRĂM MÉT CHO MỘT ĐỊA-ĐIỂM TRONG BẢN-ĐỒ

THÍ DỤ: NGÃ BA ĐƯỜNG

1. Ghi chữ chỉ-định ô vuông từng 100.000 mét của địa-điểm muốn tìm tọa-độ : UJ
2. Lấy đường ô vuông kẻ ĐỌC đầu tiên ở phía TRÁI địa-điểm. Đọc con SỐ LỚN của số hiệu ghi phía trên hay phía dưới bản-đồ hay ghi ngay trên đường ô vuông đó: 54
   Ước lượng xem được bao nhiêu phần mười từ đường kẻ đọc đến địa-điểm : 3
3. Lấy đường ô vuông KẺ NGANG đầu tiên ở phía DƯỚI địa-điểm. Đọc con SỐ LỚN của số hiệu ghi bên trái hay bên phải bản-đồ hay ghi ngay trên đường ô vuông đó: 15
   Ước lượng xem được bao nhiêu phần mười từ đường kẻ ngang đến địa-điểm : 6

THÍ DỤ : UJ543156

Nếu phải tiên-lạc với một địa-điểm cách xa quá 9° Bắc-Nam hay 18° Đông-Tây, hãy ghi ở đằng trước mệnh-danh khu kẻ ô: 48QUJ543156

1965

BV — BẮC Ô VUÔNG
BẮC CHÂN TRỤC — BẮC THẬT

HỘI TỤ ĐƯỜNG KẺ Ô VUÔNG TÍNH Ở TRUNG TÂM BẢN ĐỒ
0°29′ (9 LY GIÁC)

NHA ĐỊA DƯ ĐÀ LẠT — CƠ QUAN BẢN ĐỒ QUÂN SỰ
BỘ TỔNG THAM MƯU — Q.Đ.N.D.V.N.
In lần thứ nhất — 3-1976

CHỈ DẪN ĐỘ CAO

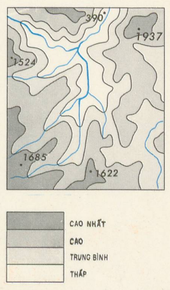

BẢNG RANH GIỚI HÀNH CHÁNH

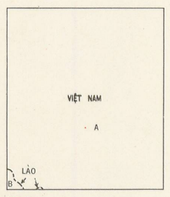

Việt Nam
A. Tỉnh Sơn La
Lào
B. Khouèng Houa Phan (Samneua)

BẢNG CHẮP

5651 II	5751 III	5751 II
5650 I	5750 IV	5750 I
L7015 5650 II	L7015 5750 III	5750 II

Số hiệu 5750 IV thuộc tờ số NF 48-14 L 509
1:250.000

SOP COP, VIỆT NAM LÀO